

HƯỚNG DẪN

Trình tự, thủ tục, hồ sơ và quy định điều kiện xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới và Giám nghèo tỉnh hướng dẫn về trình tự, thủ tục, hồ sơ và quy định điều kiện xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới như sau:

I. Những nguyên tắc thực hiện

1. Việc xét, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Các xã sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, thì tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và tiến hành xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Thẩm quyền xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Điều kiện công nhận: Xã đạt chuẩn nông thôn mới, phải đảm bảo các điều kiện:

+ Có đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới và được Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa vào kế hoạch thực hiện;

+ Có 100% tiêu chí thực hiện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định;

+ Không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

II. Phương pháp xác định mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Mức độ đạt chuẩn của từng tiêu chí trên địa bàn xã để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên cơ sở quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã

nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 và các văn bản quy định, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và của địa phương.

III. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới:

1. Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới

1.1. Ủy ban nhân dân xã đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 10 tháng 10 của năm liền kề trước năm đánh giá. UBND huyện, thành phố (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) chỉ đưa vào kế hoạch thực hiện đối với xã đã đạt chuẩn 14 tiêu chí trở lên tính đến thời điểm đăng ký và có đủ Điều kiện phần đầu đạt chuẩn trong năm đánh giá. Trường hợp xã chưa đăng ký công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo thời gian quy định trên, nếu thấy đủ Điều kiện thì được đăng ký công nhận bổ sung trước ngày 15 tháng 6 của năm đánh giá.

1.2. UBND xã nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện văn bản đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới (01 bản, theo Mẫu số 01) đến UBND cấp huyện.

1.3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được đăng ký của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới; nêu rõ lý do đối với xã chưa được đưa vào kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

Trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm các bước:

2.1. UBND xã tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

2.2. UBND cấp huyện tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2.3. UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Tổ chức tự đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới

3.1. Tổ chức tự đánh giá:

UBND xã thành lập Đoàn đánh giá (gồm các thành viên là đại diện Lãnh đạo xã, các ban, ngành, đoàn thể có liên quan, Ban Quản lý xã và các Ban Phát triển thôn) để đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí (kết quả được tổng hợp thành văn bản); Ban Quản lý xã xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí, báo cáo UBND xã.

3.2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND xã gửi văn bản kèm theo báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã;

b) Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã được thông báo, công bố công khai tại trụ sở UBND xã, nhà văn hóa các thôn và trên hệ thống truyền thanh của xã trong thời gian 20 ngày để lấy ý kiến tham gia của nhân dân (các ý kiến được tổng hợp thành văn bản theo thôn, xã);

c) UBND xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí của xã sau khi nhận được ý kiến tham gia (bằng văn bản) của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và của nhân dân trên địa bàn.

3.3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND xã tổ chức họp (gồm các thành viên là Lãnh đạo xã, các ban, ngành, đoàn thể của xã, Ban Quản lý xã, các Ban Phát triển thôn) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên, trình UBND cấp huyện;

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, UBND xã nộp trực tiếp để thẩm tra (02 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 02);

- Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới theo Mẫu số 03);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính, theo Mẫu số 04);

- Biên bản cuộc họp của xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 05);

- Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

- Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

- Các biểu, mẫu, văn bản chứng minh tiêu chí đạt.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện, thành phố.

4. Tổ chức thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

4.1. Tổ chức thẩm tra:

a) UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm tra (gồm đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện và các thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã, báo cáo UBND cấp huyện;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND xã), UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã; nêu rõ lý do xã chưa được đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

4.2. Tổ chức lấy ý kiến:

a) UBND cấp huyện tổng hợp danh sách các xã đủ điều kiện đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và công bố ít nhất 03 lần trên các phương tiện phát thanh, truyền hình (nếu có) và trang thông tin điện tử của huyện để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện (có minh chứng bằng văn bản);

b) UBND cấp huyện gửi văn bản kèm theo báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã để lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, UBND các xã trên địa bàn huyện để hoàn thiện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí cho từng xã đủ Điều kiện đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

c) Mặt trận Tổ quốc cấp huyện chủ trì, phối hợp Mặt trận Tổ quốc xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

4.3. Hoàn thiện hồ sơ:

a) UBND cấp huyện tổ chức họp (gồm thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện và đại diện lãnh đạo các xã trên địa bàn huyện) thảo luận, bỏ phiếu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã đã đủ Điều kiện; hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các đại biểu tại cuộc họp phải đạt từ 90% trở lên và có từ 90% trở lên số hộ gia đình (trong tổng số hộ gia đình của xã được chọn khảo sát, lấy ý kiến) hài lòng, trình UBND cấp tỉnh;

b) Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp trực tiếp để thẩm định (01 bộ hồ sơ), gồm:

- Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 06);

- Báo cáo về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã theo Mẫu số 07);

- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (bản chính, theo Mẫu số 08);

- Biên bản cuộc họp (gồm các thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện) đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính, theo Mẫu số 09);

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính);

- 01 bộ hồ sơ UBND xã nộp để thẩm tra.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo cấp tỉnh.

5. Tổ chức thẩm định, công nhận, công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới.

5.1. Tổ chức thẩm định:

a) UBND tỉnh thành lập Đoàn thẩm định (gồm các thành viên là đại diện lãnh đạo Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh; lãnh đạo các Sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao phụ trách các tiêu chí nông thôn mới) để thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí của từng xã thuộc các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh; Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh xây dựng báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới cho từng xã của từng huyện, thành phố (trên cơ sở văn bản của các sở, ban, ngành đánh giá, xác nhận mức độ đạt các tiêu chí được giao phụ trách), báo cáo UBND cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị xét, công nhận các xã đạt chuẩn nông thôn mới của UBND cấp huyện), UBND cấp tỉnh trả lời bằng văn bản cho UBND cấp huyện, xã về kết quả thẩm định mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của từng xã trên địa bàn từng huyện, thành phố; nêu rõ lý do xã chưa được xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

5.2. Tổ chức xét, công nhận:

a) Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (gọi tắt Hội đồng thẩm định) gồm đại diện lãnh đạo một số sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là một Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

b) Hội đồng thẩm định tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới cho từng xã (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng có mặt); Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới khi kết quả ý kiến nhất trí của các thành viên Hội đồng thẩm định dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định;

c) Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh theo đề xuất của cơ quan thường trực Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh;

5.3. Công bố:

a) Chủ tịch UBND tỉnh công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới và công khai trên báo, đài phát thanh, truyền hình và trang thông tin điện tử của tỉnh.

b) Thời hạn tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới là không quá 60 ngày, kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới do UBND cấp huyện thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

6. Một số mẫu, biểu đánh giá, thẩm tra, thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới

6.1. Đối với cấp xã:

Mẫu số 01: Mẫu đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Mẫu số 02: Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Mẫu số 03: Mẫu báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới.

Mẫu số 04: Mẫu báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới.

Mẫu số 05: Mẫu biên bản họp đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

6.2. Đối với cấp huyện:

Mẫu số 06: Mẫu Tờ trình của UBND huyện/thành phố về việc thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Mẫu số 07: Mẫu báo cáo của UBND huyện/thành phố thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã.

Mẫu số 08: Mẫu báo cáo của UBND huyện/thành phố tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã.

Mẫu số 09: Mẫu biên bản của UBND huyện/thành phố xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Trên đây là hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ và quy định điều kiện xét công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cơ quan, đơn vị địa phương có ý kiến phản ánh về Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo tỉnh để được hướng dẫn hoặc điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 95/HD-VPĐP ngày 15/9/2016 của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Kạn. /.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPĐP các huyện, thành phố;
- UBND các xã dự kiến đạt chuẩn giai đoạn 2017-2020;
- CVP, PCVP (Ô. Khanh);
- Lưu VT, HT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Tuấn Khanh

Mẫu số 01: Mẫu đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-....
V/v đăng ký “Xã đạt chuẩn
nông thôn mới”
năm

....., ngày tháng năm

Kính gửi: UBND huyện/thành phố, tỉnh

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng năm, xã có số tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt% (đảm bảo yêu cầu so với quy định tại Quyết định số/QĐ-TTg ngày tháng năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020) và có đủ Điều kiện phân đầu xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, Ủy ban nhân dân xã (huyện/thành phố tỉnh) đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trong năm để được công nhận “Xã đạt chuẩn nông thôn mới” năm

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện/thành phố, tỉnh xem xét, đưa vào kế hoạch chỉ đạo thực hiện./.

**TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu số 02: Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TT-UBND , ngày tháng năm 20....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thành phố, tỉnh

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới của xã và Báo cáo số/BC-UBND ngày .../.../20..... của UBND xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày .../.../20..... của UBND xã đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

UBND xã kính trình UBND huyện/thành phố thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới).

2. Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính).

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã (bản chính);

5. Hình ảnh minh họa về kết quả xây dựng nông thôn mới của xã.

6. Các biểu, mẫu, văn bản chứng minh tiêu chí đạt.

Kính đề nghị UBND huyện/thành phố (tỉnh) xem xét, thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Như trên;

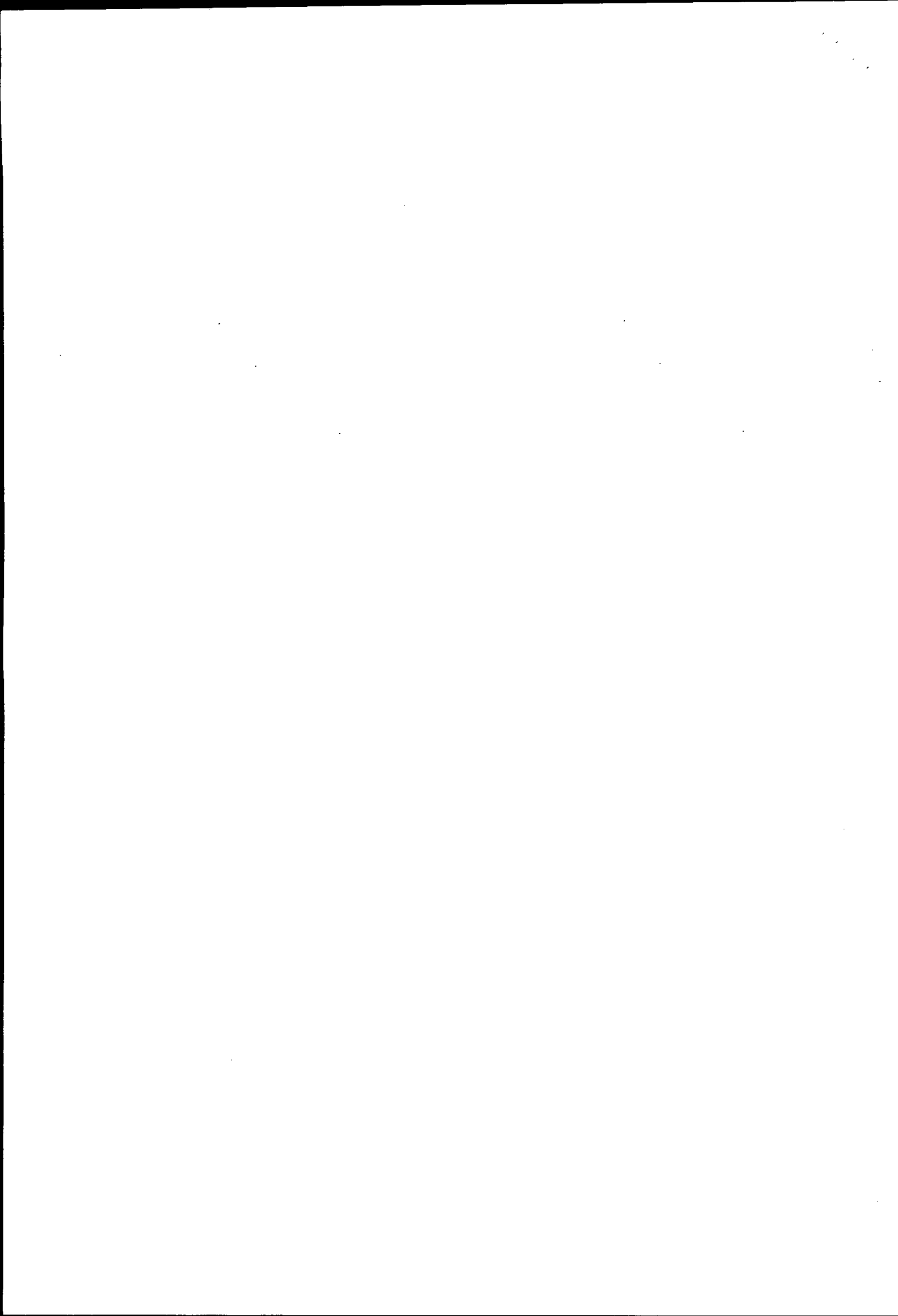
-

- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu số 03: Mẫu báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm
của xã, huyện/thành phố tỉnh

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương và của địa phương.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, Điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

- a) Công tác truyền thông.
- b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

- a) Công tác phát triển sản xuất nông nghiệp.
- b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.
- c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách tỉnh triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách huyện triệu đồng, chiếm%;
- Ngân sách xã triệu đồng, chiếm%;
- Vốn vay tín dụng triệu đồng, chiếm%;
- Doanh nghiệp triệu đồng, chiếm %;

- Nhân dân đóng góp triệu đồng, chiếm %.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là/ (tổng số) tiêu chí, đạt %, cụ thể

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....
.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....
.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....
.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....
.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....
.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....
.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

.....
.....;

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung nâng chất các tiêu chí nông thôn mới

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ.....

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

Xã, huyện/thành phố, tỉnh
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /20..... của UBND xã)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt		
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm				
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa				
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm				
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		

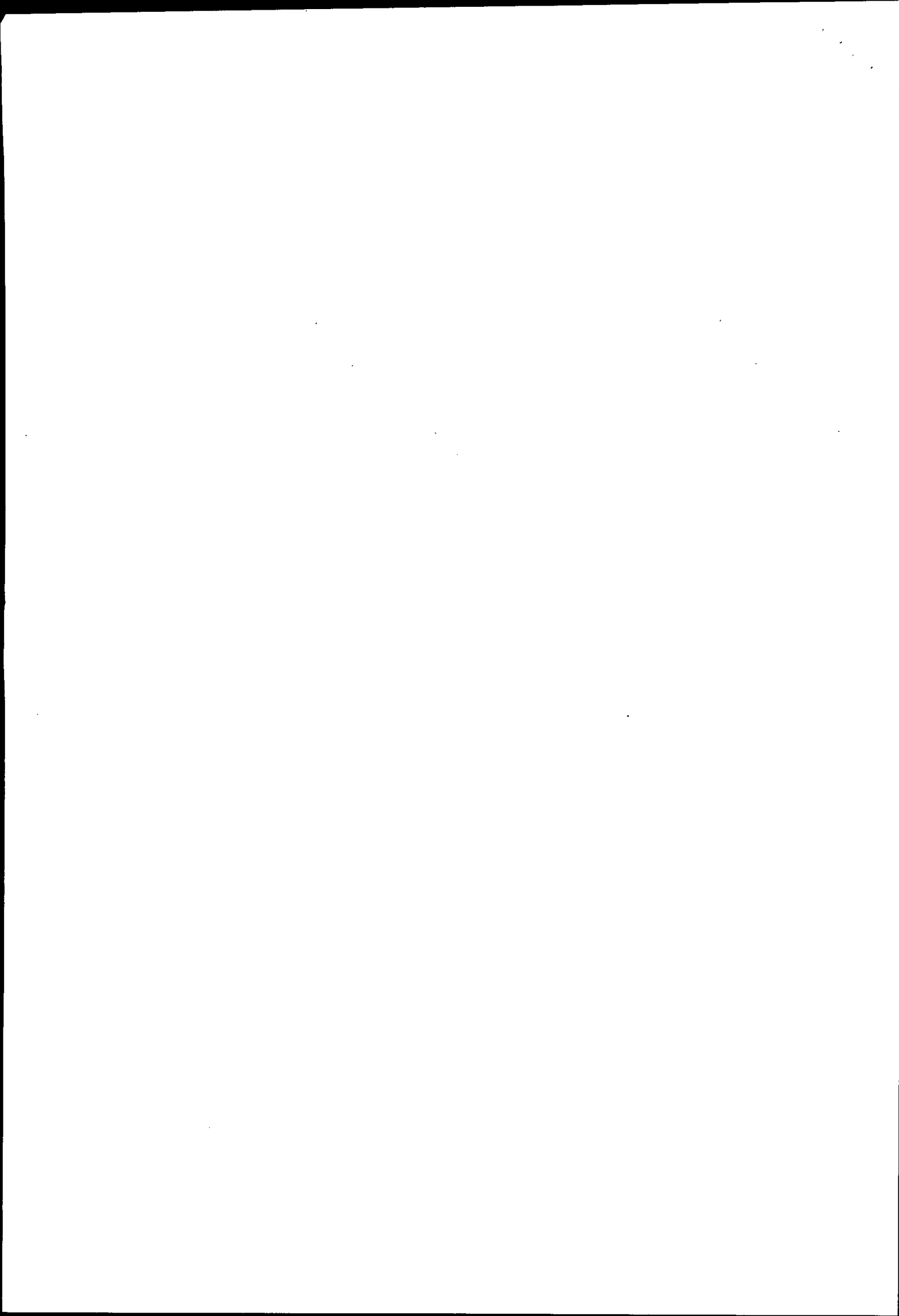
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥95%		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥70%		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định				
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Theo quy định		
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành				
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥75%		
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	Triệu đồng	≥36		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤12%		
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt		
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt		
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
4	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥70%		
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥25%		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤26,7%		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥90% (≥50% nước sạch)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt		
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
		- kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định				
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥70%		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥60%		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%		
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt		
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	%	100%		
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định		Đạt		
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt		
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt		



Mẫu số 04: Mẫu báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới năm của xã, huyện/thành phố, tỉnh

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

.....
.....

II. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tính đến năm..... là / (tổng số) tiêu chí, đạt%.

III. Ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến:

.....

- Ý kiến tham gia:

.....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

.....

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn xã (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,)

- Hình thức tham gia ý kiến:

.....

- Ý kiến tham gia:

.....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

.....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia:

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

IV. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-

-

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày//, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06: Mẫu Tờ trình của UBND huyện/thành phố về việc thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

ỦY BAN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TTr-UBND , ngày tháng năm 20.....

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, xét, công nhận xã
đạt chuẩn nông thôn mới năm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số /BC- UBND ngày /..... /20..... của UBND huyện/thành phố về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày / /20 của UBND huyện/thành phố đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới;

UBND huyện/thành phố kính trình UBND tỉnh thẩm định, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả đạt từng tiêu chí nông thôn mới đối với xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã);

2. Báo cáo tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn huyện tham gia vào kết quả thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới của xã (bản chính);

3. Biên bản cuộc họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp huyện về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(Kèm theo bộ hồ sơ của UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm tra).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, thẩm định./.

TM. UBND

CHỦ TỊCH

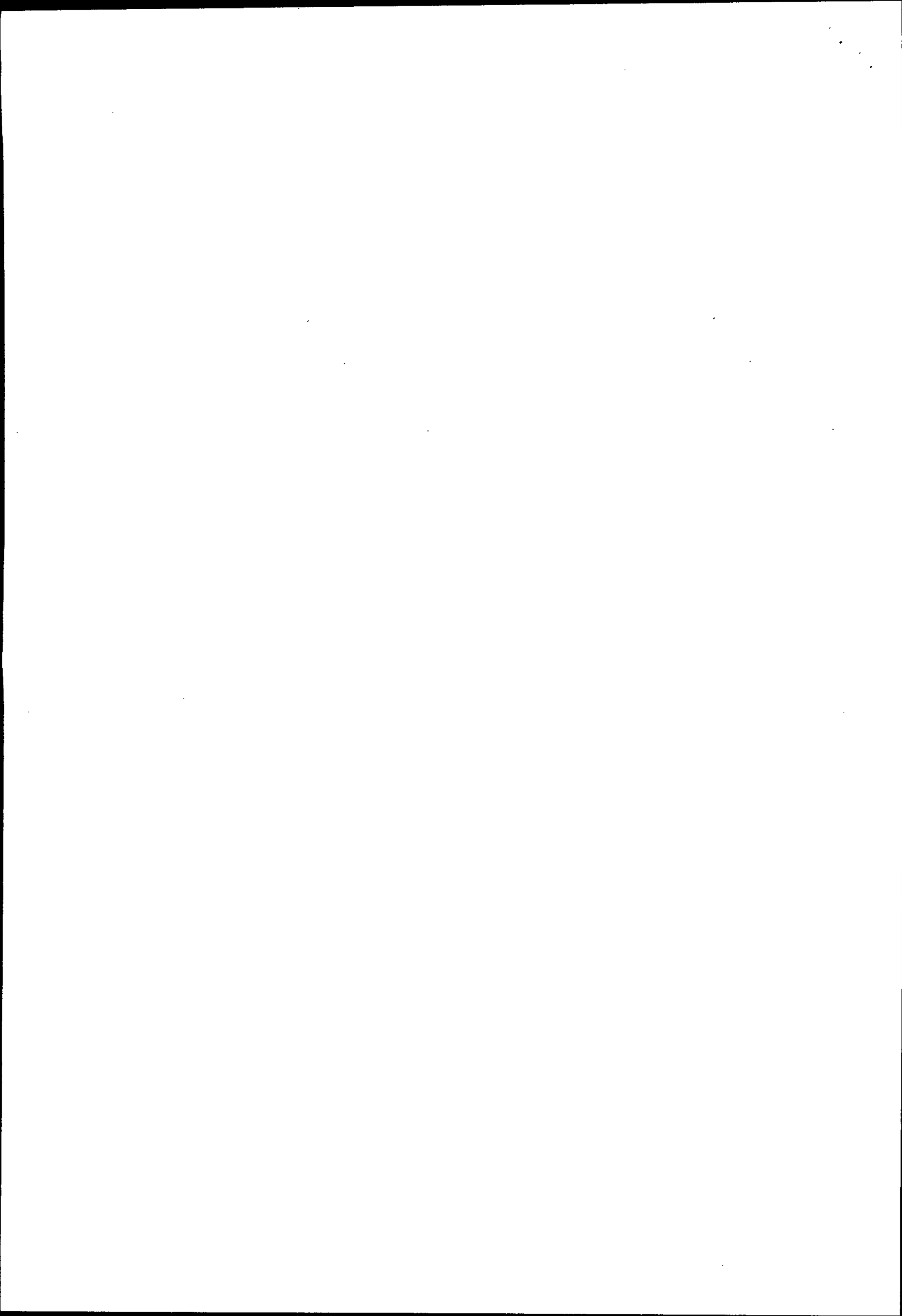
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT.



Mẫu số 07: Mẫu báo cáo của UBND huyện/thành phố thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND , ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
nông thôn mới cho xã năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của UBND xã tại Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện/thành phố báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã năm cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

.....
.....;

- Các nội dung đã thực hiện:

.....
.....;

- Khối lượng thực hiện:

.....
.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

.....
.....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã đã được UBND huyện thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là:/19 tiêu chí, đạt%.

-

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới

-

III. KIẾN NGHỊ

.....
...../

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

của xã, huyện/thành phố tỉnh

(Kèm theo Báo cáo số: /BC- UBND ngày / /20.... của UBND

huyện/thành phố.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I. QUY HOẠCH						
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt		
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt		
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI						
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm				
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa				
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm				
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt		
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥95%		
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥70%		
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định				
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%		
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn				
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành				
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không		
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥75%		
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT						
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (<i>triệu đồng/người</i>)	Triệu đồng	≥36		
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤12%		
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%		
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt		
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt		
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG						
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	%	≥70%		
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥25%		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤26,7%		
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥90% (≥50% nước sạch)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt		
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh		
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
		cur tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định				
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥70%		
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥60%		
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%		
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ						
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt		
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt		
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt		
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	%	100%		
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định		Đạt		
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt		
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt		

Mẫu số 08: Mẫu báo cáo của UBND huyện/thành phố tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND , ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra
hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới
năm cho xã, huyện/thành phố tỉnh**

I. Tóm tắt quá trình UBND huyện/thành phố tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
-

II. Ý kiến tham gia vào kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới cho xã

1. Ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của UBND các xã trên địa bàn huyện

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn huyện (nếu có)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND huyện/thành phố

-
-

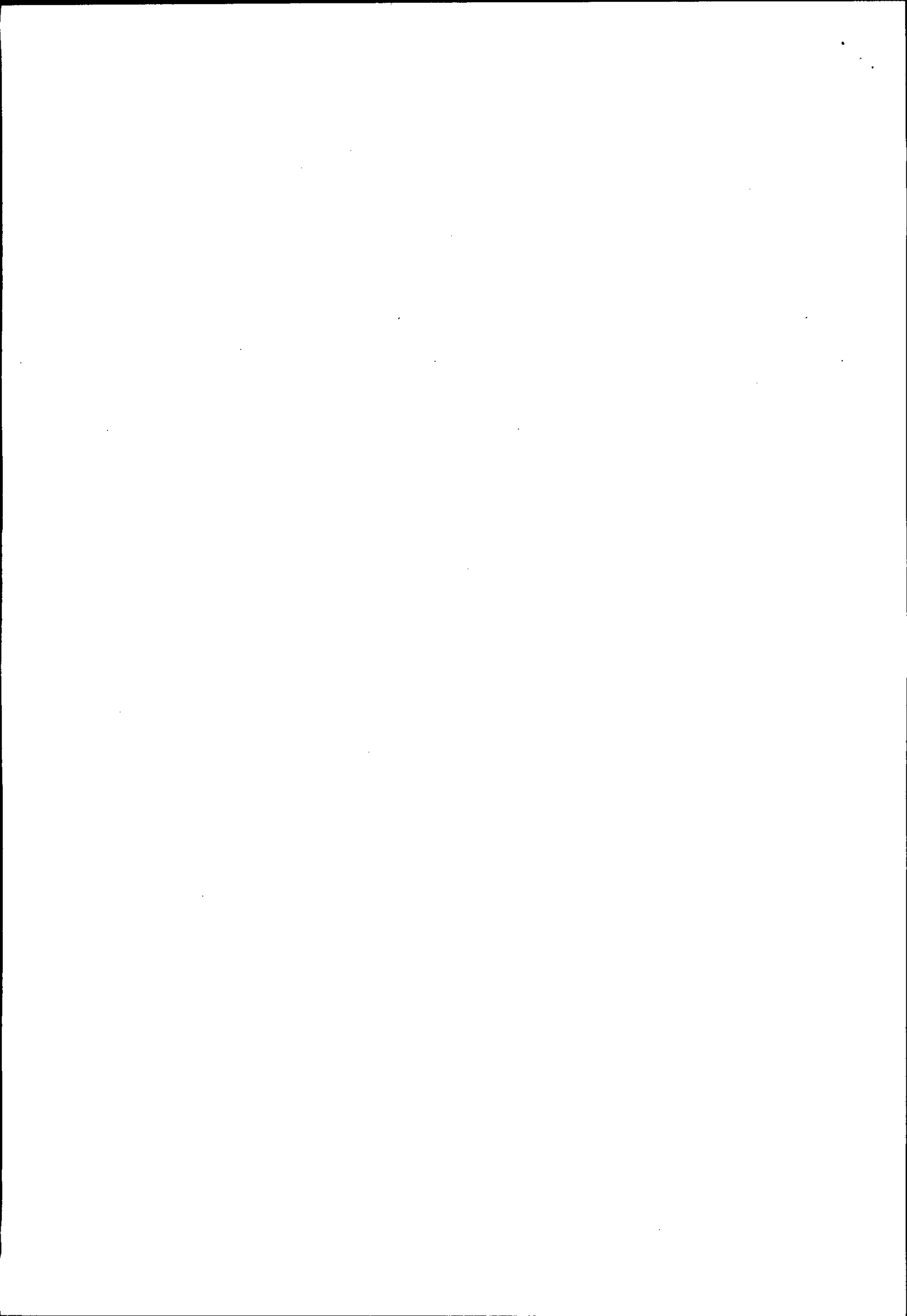
Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

TM. UBND

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu số 09: Mẫu biên bản của UBND huyện/thành phố xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN

**Họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn
nông thôn mới năm**

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ngày / / của UBND huyện/thành phố về thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã năm và Báo cáo ngày / / của UBND huyện/thành phố tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm cho xã

Hôm nay, vào hồi giờ phút ngày / / ... tại, UBND huyện/thành phố (tỉnh) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác;

-

- Ông (bà): - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND huyện/thành phố trình bày Báo cáo thẩm tra hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của xã; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia về kết quả thẩm tra các tiêu chí nông thôn mới năm của xã

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện/thành phố trình bày Báo cáo về kết quả lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn xã đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

-

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm là / tổng số thành viên tham dự cuộc họp, đạt%.

Biên bản kết thúc hội giờ phút ngày / /, đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí%.

Biên bản này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND huyện/thành phố lưu bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND tỉnh bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)